

Số 20/2025QĐST- HNGĐ

Y, ngày 20 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/7/2023 về “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, chia tài sản chung*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1981

ĐKTT: Xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Khâm, sinh năm 1954 (bố đẻ anh K1 đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Khâm:

-Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1980

-Chị Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1986.

-Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 1991.

Đều ở xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

-Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm 19, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

-Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm Đê, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (mẹ đẻ anh K1)

Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a K1 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ đơn xin rút yêu cầu về giải quyết chia tài sản chung của chị Trần Thị L đề ngày 12/3/2025.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc rút đơn đề nghị giải quyết về chia tài sản chung của chị L là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Toà án không xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K1 và chị Trần Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Anh K1 và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn K2, sinh ngày 22/02/2004 và cháu Nguyễn Thị Ánh L sinh ngày 05/8/2008. Hiện nay cháu Tuấn K2 đã trưởng thành tự lập nên không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu L, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục; anh K1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng (*ba triệu đồng*) kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Anh K1 hỗ trợ thanh toán tiền nuôi con cho chị L trong thời gian vợ chồng sống ly thân là 20.000.000đồng (*hai mươi triệu đồng*). Hiện số tiền này hai bên đã thanh toán với nhau xong.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị L và anh K1 xác định đã tự giải quyết với nhau xong, chị L đã có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Không có.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ *Án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*: anh K1 phải nộp án phí ly hôn là 150.000đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đồng, tổng cộng là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0005712 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

+Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005758 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trở lại hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND huyện Y (3).
- CCTHADS huyện Y (1).
- UBND xã K
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

Đã ký

Nguyễn Thị Bích T